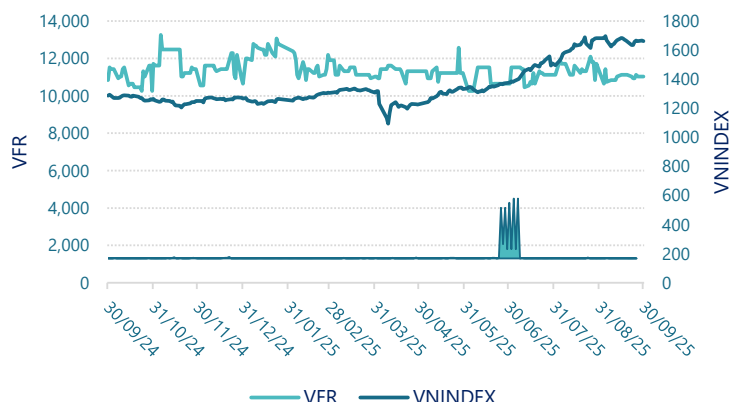


CTCP Vận tải và Thuê tàu (UPCOM: VFR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,258
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,258
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	540
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
P/E	11.2
EPS	1,018

DT thuần

Q3/25

30.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60 | -2.0%

YoY: ▲4.80 | 18.3%

LN sau thuế

Q3/25

4.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.98 | -16.7%

YoY: ▼1.81 | -26.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

18.4%

+/- YoY: ▼8.7%

DT thuần

9T 2025

88.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲18.6 | 26.6%

LN sau thuế

9T 2025

13.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.6 | -45.3%

ROE

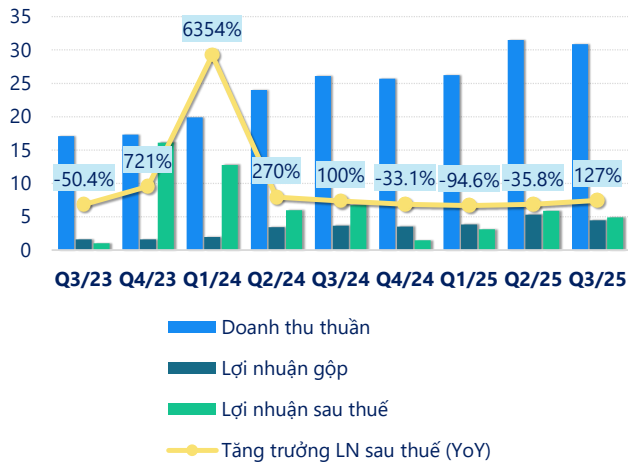
Q3/25

4.8%

+/- YoY: ▼9.2%

tỷ VNĐ

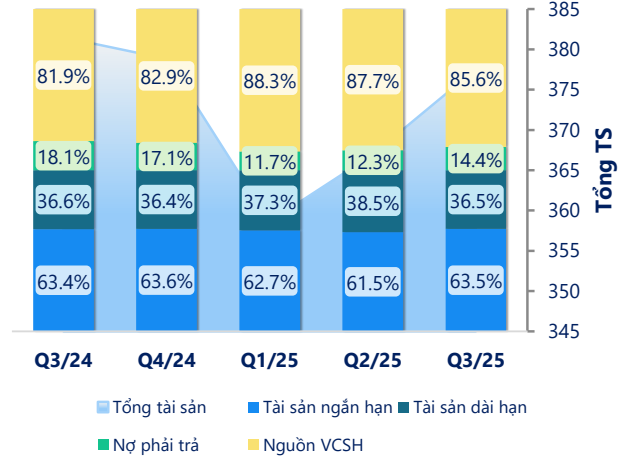
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

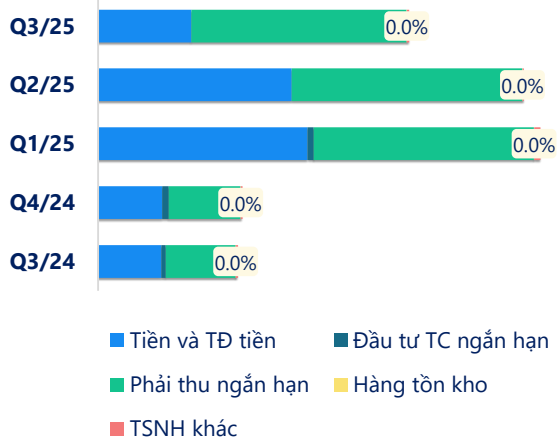
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



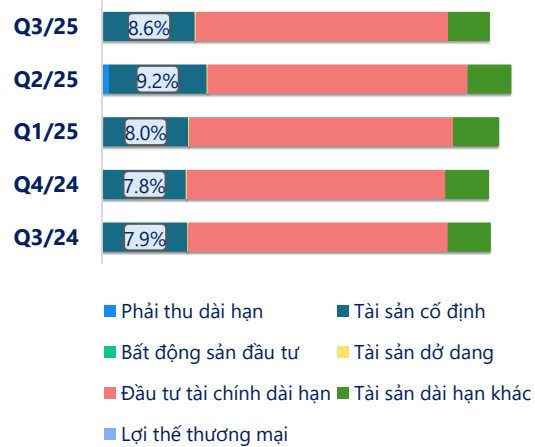
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

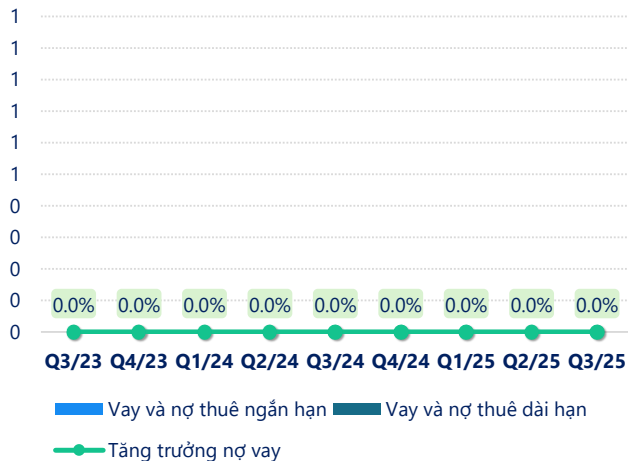
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

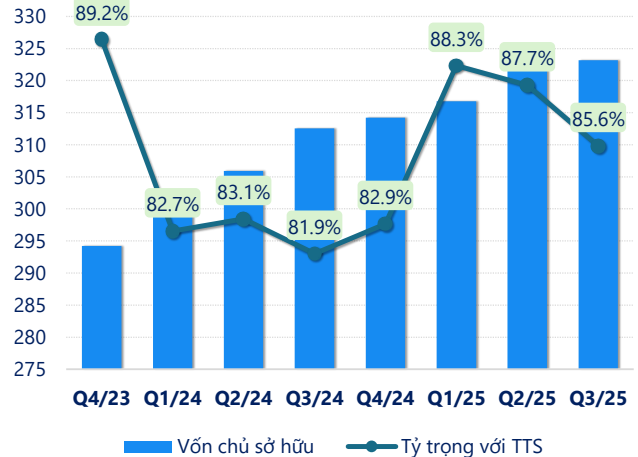
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

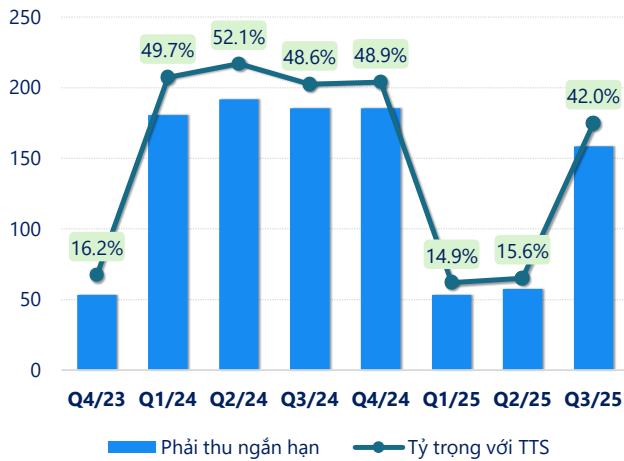
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



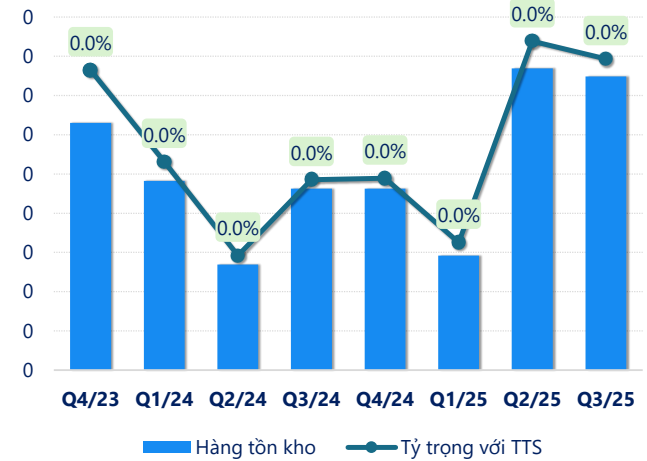
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


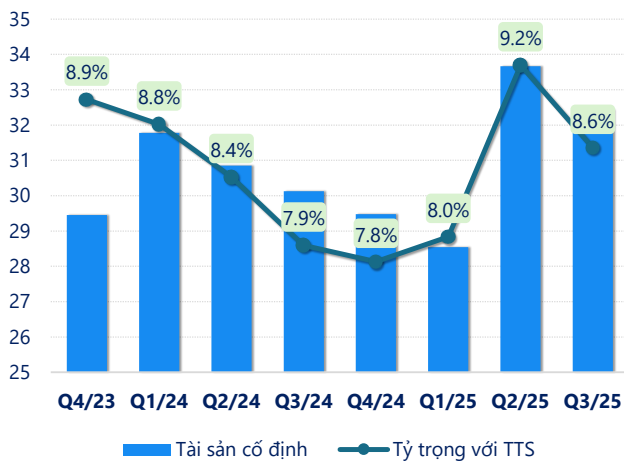
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


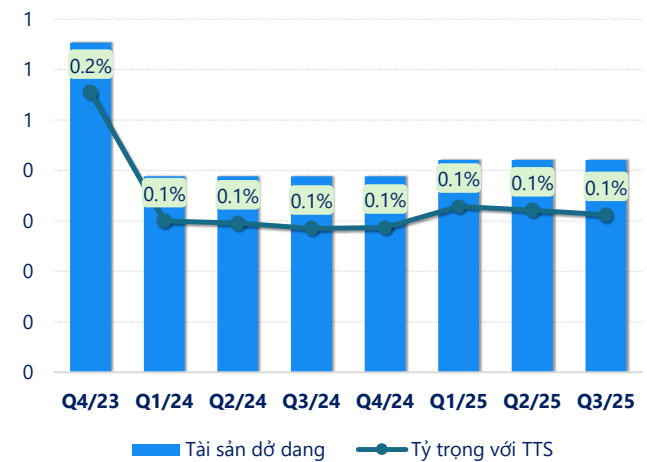
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

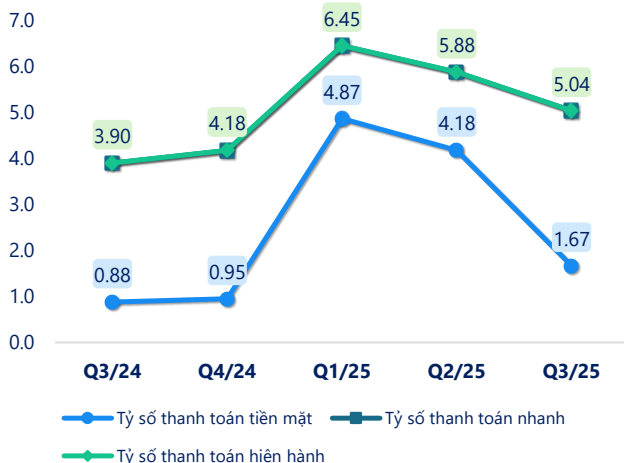
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

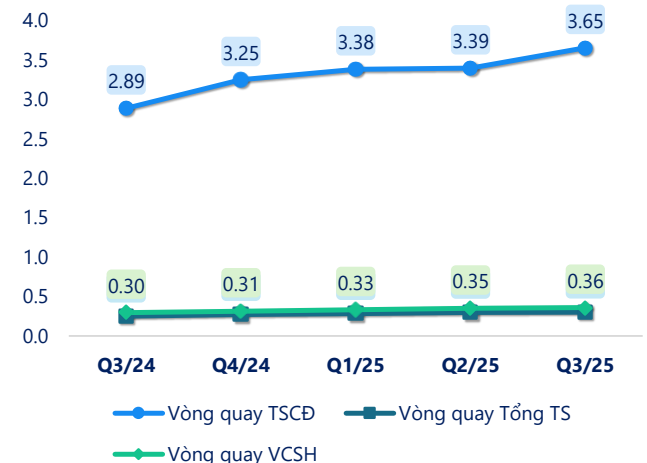
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	381	379	359	367	378
Tài sản ngắn hạn	242	241	225	226	240
Tiền và tương đương tiền	54.6	54.8	170	160	79.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	7.00	0
Phải thu ngắn hạn	185	185	53.3	57.4	158
Hàng tồn kho	0.09	0.09	0.06	0.15	0.15
Tài sản ngắn hạn khác	2.07	0.76	1.84	0.82	1.70
Tài sản dài hạn	139	138	134	141	138
Phải thu dài hạn	0.42	0.42	0.48	2.39	0.50
Tài sản cố định	30.1	29.5	28.5	33.7	32.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.39	0.42	0.42	0.42
Đầu tư tài chính dài hạn	93.0	92.0	88.9	89.7	89.5
Tài sản dài hạn khác	15.5	15.5	15.6	15.1	14.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	68.9	64.6	41.9	45.3	54.4
Nợ ngắn hạn	62.0	57.7	34.8	38.4	47.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	7.11	8.79	9.08	9.09
Nợ dài hạn	6.89	6.89	7.04	6.89	6.79
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	313	314	317	322	323
Vốn chủ sở hữu	313	314	317	322	323
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)